

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SA THẦY
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2021/HS-ST**

Ngày: 31-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY, TỈNH KONTUM**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ry Thị Mỹ Hoàng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hiền Lương và bà Đỗ Thị Hải Lý.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trần Thị Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy tham gia phiên tòa:* Ông Phan H Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 31-3-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2021/HSST ngày 28 -01-2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HS, ngày 18 -3-2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1973 tại Quảng Ngãi; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Nhơn Nghĩa, xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hoài Th và bà Võ Thị C; có chồng Nguyễn Ngọc V và 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2014;

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23 -12-2020 đến nay (Có mặt).

- *Bị hại:* Công ty TNHH Song Song V, người đại diện theo pháp luật là ông Ngô Khắc B.

Người đại diện theo ủy Q là bà Đặng Thị T và bà Bùi Thị Mai S

Cùng địa chỉ: Thôn Nhơn An, xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (Có mặt).

- *Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Huỳnh V Ph, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn Nhơn An, xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chị Đặng Thị T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn 4 thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Anh Trần V D, sinh năm 1981. Địa chỉ: Đội 2, Công ty 732 cao su Rờ Koi, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
4. Bà Bùi Thị Mai S, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn Nhơn An, xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (Có mặt).
5. Anh Lê V Q, sinh năm 1991. Địa chỉ: Đội 2, Công ty 732 cao su Rờ Koi, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt).
6. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn Kiến Xương, xã Ya Ly, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt).
7. Ông Trần Minh L, sinh năm 1957. Địa chỉ: Thôn Kơ Loong, xã Rờ Koi, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
8. Anh Bùi Thanh T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn Nhơn Bình, xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
9. Anh Bùi V H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn Nhơn Nghĩa, xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
10. Anh Nguyễn Tấn Th, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn Đức Lý, xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
11. Anh Cao Xuân T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn Nhơn Nghĩa, xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt).
12. Bà Lê Thị D, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn Đức Lý, xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
13. Chị Nguyễn Thị Nhật L, sinh năm 1993. Địa chỉ: Xã Yên THnh, huyện Sơn THnh, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt).
14. Anh Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn Nhơn Nghĩa, xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (Có mặt).
15. Anh Nguyễn Ngọc Tr, sinh năm 2004. Địa chỉ: Thôn Nhơn Nghĩa, xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/01/2019, Công ty TNHH Song Song V có kí hợp đồng lao động với Nguyễn Thị Hoài T vào làm nhân viên bán Hàng tại cửa Hàng xăng dầu số 01 của công ty tại thôn Đức Lý, xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum với nhiệm vụ: bán hàng, quản lý toàn bộ sổ sách của cửa hàng, vào cuối buổi chiều thì sẽ tính toán sổ sách về số tiền bán xăng dầu bằng cách lấy tổng số tiền bán xăng dầu trong ngày (số lít xăng, dầu từng loại nhân đơn giá) trừ tổng số tiền khách hàng nợ trong ngày và báo về công ty sau đó sẽ gửi tiền về công ty theo sổ sách đã báo về, không được để tiền bán xăng, dầu trong ngày qua ngày hôm sau. Đồng thời tại cửa hàng xăng dầu có bán thêm gas và nhớt. Số tiền bán gas, nhớt không nộp về công ty theo ngày mà giao bị can T tự giữ, sau một khoảng thời gian không cố định, bà Bùi Thị Mai S(chủ của cửa hàng xăng dầu) sẽ trực tiếp đến cửa hàng để lấy tiền. Khi khách

Hàng đến mua nợ xăng dầu hoặc đến trả tiền nợ xăng dầu thì T với mục đích chiếm đoạt số tiền bán xăng, dầu, gas, nhớt của cửa hàng bằng 02 (hai) thủ đoạn là tự ý kê số nợ và báo về Công ty cao hơn thực tế hoặc chiếm đoạt tiền khách Hàng trả nợ mà không báo về cho Công ty. Cụ thể:

Đối với khách Hnh Huỳnh V Ph. Trong năm 2019, anh Ph có mua nợ tiền xăng dầu tại cửa hàng. Khoảng 01 (một) tháng anh Ph sẽ trả nợ một lần. Một số lần anh Ph đến cửa hàng để trả nợ, T vì cần tiền sử dụng cá nhân nên đã tự ý lấy từ 1.000.000đ (một triệu đồng) đến 2.000.000đ (hai triệu đồng) trong số tiền anh Ph trả nợ. Sau đó T báo về công ty số tiền anh Ph trả thấp hơn số tiền thực tế, đúng bằng số tiền bị can đã lấy. Đến ngày 21/01/2020, anh Ph đã đến cửa hàng thanh toán hết số nợ. Tuy nhiên, trong sổ sách tại công ty và sổ sách T báo về công ty, anh Ph còn nợ cửa hàng xăng dầu số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng). T thừa nhận anh Ph đã trả hết số tiền nợ tại cửa Hàng, số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng) là số tiền T chiếm đoạt của Công ty TNHH Song Song V.

Đối với khách hàng Đặng Thị T, trong năm 2019 bà T có mua nợ xăng dầu tại cửa hàng của công ty và đã đến trả nợ nhiều lần. Đến ngày 21/01/2020, bà Đặng Thị T đến cửa hàng xăng dầu chốt sổ nợ và trả số tiền 100.907.000đ (một trăm triệu chín trăm linh bảy nghìn), đồng thời T và bà T xác nhận với nhau là bà T chỉ nợ lại số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, T chỉ nộp số tiền 50.907.000 đồng về Công ty và báo với Công ty là bà T vẫn còn nợ cửa hàng xăng dầu (công ty) 100.000.000đ (một trăm triệu đồng. T đã chiếm đoạt của Công ty đối với số nợ của bà Đặng Thị T số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để sử dụng cá nhân.

Đối với khách hàng là các anh Trần V D và anh Lê V Q, trong thời gian T làm việc tại cửa hàng xăng dầu, anh Q và anh D có mua nợ tiền xăng dầu cho công nhân, người lao động sử dụng. Khi công nhân trả tiền, anh D và anh Q sẽ thanh toán nợ cho T. Đến ngày 17/01/2020, anh Lê V Q đã đến cây xăng thanh toán phần nợ còn lại cho cửa hàng xăng dầu trước tết Nguyên đán năm 2020. Sau đó anh Q có xác nhận với bà T là chỉ còn nợ lại số tiền 1.740.000đ (một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, sổ sách của công ty ghi chép và sổ nợ do T ghi chép để báo về công ty, đến ngày 17/01/2020, anh Q và anh D còn nợ cây xăng số tiền 38.000.000đ (Ba mươi tám triệu đồng). Ngoài ra, sau khi xem lại sổ sách, công ty và T đều thừa nhận trong quá trình ghi chép sổ sách đã quên trừ tiền chiết khấu cho hai khách hàng trên là 1% (Một phần trăm) trên tổng số tiền mà khách hàng đã mua xăng dầu (Công ty thỏa thuận mỗi lần trả nợ đều trừ số tiền trên vào tổng số tiền trả nợ). Tổng số tiền chiết khấu đã quên ghi chép vào sổ sách là 1.590.000đ (Một triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng). Vậy nên, đối với số tiền nợ của anh Q và anh D, T đã chiếm đoạt của cửa hàng xăng dầu số 01 số tiền 34.670.000đ (Ba mươi tư triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

Đối với khách hàng Nguyễn Thị N, trong năm 2019, bà N có 02 (hai) xe tải và thuê hai tài xế lái. Các tài xế của bà N khi đổ xăng, dầu sẽ ghi nợ tiền xăng dầu và kí tên vào sổ nợ. Sau một khoảng thời gian không cố định, T sẽ cầm sổ nợ đến tìm bà N để thanh toán số nợ. Tính đến ngày 16/01/2020, T đều nộp về công ty đúng số tiền như trong giao dịch với bà N. Tuy nhiên, đến ngày 17/01/2020, bà N

tiếp tục mua nợ xăng dầu với số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), sau đó đến trước Tết Nguyên đán năm 2020, bà N đã thanh toán hết số nợ (bà N và T không nhớ rõ ngày nào). Tuy nhiên, T đã không báo và nộp tiền về công ty mà đã gửi số tiền trên cho con gái là Nguyễn Thị Nhật L để chữa bệnh ung thư. Đối chiếu sổ sách T báo về công ty, đến ngày 31/01/2020, bà N vẫn còn nợ cây xăng số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) là số tiền T đã chiếm đoạt từ trước.

Đối khách Hàng Trần Minh L, trong năm 2019, ông L mua xăng dầu tại cửa hàng để bán lẻ. Trong thời gian đó, ông L chỉ nợ cửa hàng xăng dầu số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Số tiền trên, vào tháng 12 năm 2019 (không rõ ngày), ông L đã trả cho ông Nguyễn Ngọc V (Thường gọi là Chút, là chồng T, cũng là nhân viên cây xăng) tổng cộng 02 (hai) lần, mỗi lần 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tại nhà ông L. Cả hai lần trên, ông V đã về cửa Hàng xăng dầu số 01 đưa cho T và nói đó là tiền ông L trả để T nộp về công ty và ghi chép sổ sách. Tuy nhiên, cả hai lần trên, T giấu ông V đã không báo và nộp tiền về công ty mà tự ý giữ lại và gửi cho con gái là Nguyễn Thị Nhật L. Vậy nên, khi bà công ty phát hiện, T đã thừa nhận chiếm đoạt số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Đối với khách hàng Bùi Thanh T, ngày 27/12/2019, anh T đến cửa hàng xăng dầu trả số tiền nợ là 5.000.000đồng và gạch bỏ, ghi chú thêm còn nợ lại số tiền 5.000.000đồng (năm triệu đồng) trong sổ của cửa hàng. Số tiền này T đã gửi và báo về công ty. Số tiền còn nợ 5.000.000đồng còn lại, anh T đã đến cây xăng trả, gạch bỏ và ký xác nhận vào sổ nợ nhưng không ghi rõ ngày tháng, T cũng không nhớ ngày tháng. Tuy nhiên sau khi cầm sổ tiền trên, T không báo và nộp về cho công ty mà giữ lại tiêu xài cá nhân.

Đối với khách hàng Bùi V H, ngày 25/10/2019, T quên báo về Công ty số tiền 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) là số tiền anh Bùi V H nợ tiền mua dầu nên T lấy tiền cá nhân bù vào số tiền trên để nạp vào tài khoản của Công Ty. Đến ngày 30/10/2019 T tự ý báo về công ty là anh H nợ số tiền 1.175.000đồng (một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và ngày 10/11/2019 T tự ý báo về công ty là anh H nợ 1.000.000đ (một triệu đồng). Bằng cách trên, T đã chiếm đoạt của Công ty số tiền 975.000đ (chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Ngoài ra, ngày 19/01/2020 anh H đã đến cửa hàng xăng dầu trả nợ 02 (hai) lần với số tiền lần lượt là 10.000.000đồng (mười triệu đồng) và 5.080.000đồng (Năm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, T chỉ báo và nộp về cho Công ty số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), còn số tiền 5.080.000đồng (Năm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) bị can giữ lại tiêu xài cá nhân. Vậy nên, đối với số nợ của anh Bùi V H, T đã chiếm đoạt tiền của Công ty bằng cả hai thủ đoạn là tự ý kê số nợ và báo về công ty cao hơn thực tế T đã chiếm đoạt tổng số tiền là 6.055.000đ (Sáu triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Đối với khách hàng Nguyễn Tấn Th, vào ngày 23/01/2020, anh Th đã đến cửa hàng xăng dầu trả hết số tiền mà anh nợ cửa hàng là 17.295.000đồng (mười bảy triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Tuy nhiên, T đã giữ lại số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) để tiêu xài cá nhân, chỉ báo và nộp về công ty số tiền 12.295.000đ (mười hai triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Đối với khách hàng Cao Xuân T, vào khoảng tháng 11 đến tháng 12 năm 2019, anh T đã trả nợ cho cửa hàng xăng dầu số tiền 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, T đã không báo và nộp về công ty số tiền trên mà đã tự ý dùng tiền để mua bảo hiểm cho 03 (ba) người trong gia đình của T. Sau đó, anh T tiếp tục mua nợ xăng dầu số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) và đến ngày 01/12/2019, anh T trả nợ số tiền trên cho cửa hàng xăng dầu. T nhớ đã lấy tiền trả nợ của anh T từ trước nên đã lấy thêm 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) tiền tiền riêng của mình bù thêm vào để nộp về công ty số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng). Đến ngày 03/12/2020, anh T tiếp tục mua nợ xăng dầu số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng), rồi đến trước tết nguyên đán năm 2020 (không rõ ngày), anh T đã thanh toán hết số nợ trên. Tuy nhiên, T đã tiếp tục chiếm đoạt số tiền anh T trả nợ nêu trên, không nộp và báo về công ty. Vậy nên, đối với số nợ của anh Cao Xuân T, T đã chiếm đoạt của công ty tổng số tiền 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Đối khách hàng Lê Thị D, vào ngày 13/6/2019, T tự kê và báo về công ty bà D nợ số tiền 850.000đ (tám trăm năm mươi nghìn đồng). Thực tế bà D không mua nợ số tiền trên. Sau khi chốt sổ trong ngày với công ty, T giữ lại số tiền 850.000đ để tiêu xài cá nhân.

Đối với số tiền bán gas và nhớt: Trong thời gian làm việc tại cửa hàng xăng dầu, T được giao nhiệm vụ bán Gas và nhớt. Số tiền bán Gas, nhớt không báo và gửi về công ty hàng ngày mà T tự giữ. Sau một khoảng thời gian không cố định, bà Bùi Thị Mai Sh(SN: 1964, vợ của ông Ngô Khắc B) sẽ đến cửa hàng xăng dầu số 01 để lấy tiền bán Gas và nhớt. T sau khi bán Gas, nhớt đã để chung số tiền đó với tiền cá nhân của bị can nên đã tiêu xài hết số tiền bán Gas và nhớt. Đến ngày 31/01/2020, sau khi bà S, ông B phát hiện việc T chiếm đoạt tiền của cửa hàng nên đã tiến hành kiểm tra kho Gas, nhớt thì phát hiện trong kho thiếu hụt: 114 bình Gas Petrolimex loại 12kg, Nhớt các loại gồm: 01 Phuy nhớt PLC- 200 (200 lit/phuy) 15 chai dầu phanh DOT 3APP, 80 lít nhớt loại Greartec GL- 5 80 W9- 4X4L, 02 thùng nhớt Simba 2T 1L, 77 lít nhớt Kixx Dynamic SF/CF 20W50 4L. T đã thừa nhận số Gas, nhớt trên đã được bán hết và đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Tại kết luận định giá số 22/KL- HDDG ngày 18/12/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng huyện Sa Thầy kết luận: Tổng giá trị của 114 bình ga và nhớt các loại mà bà T đã bán có giá 50.692.335đ (*Năm mươi triệu sáu trăm chín mươi hai ngàn ba trăm ba mươi lăm đồng*).

Như vậy, trong thời gian làm việc tại Cửa hàng xăng dầu số 01 của Công ty TNHH Song Song V tại thôn Đức Lý, xã Sa Nhơn, huyện Sa thầy, tỉnh Kon Tum. Nguyễn Thị Hoài T lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình được Công ty giao đã chiếm đoạt tiền của Công ty mà mình có trách nhiệm quản lý với số tiền là 175.667.335đ (*Một trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn ba trăm ba mươi lăm đồng*).

Tại Bản cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 28-01-2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy đã truy tố Nguyễn Thị Hoài T về tội “ *Tham ô tài sản* ” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Nguyễn Thị Hoài T về tội “*Tham ô tài sản*”; Đề nghị áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353 điểm b, s khoản 1,2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án tù 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam.

- Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của bị hại xác định số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt là 175.667.335đ (*Một trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn ba trăm ba mươi lăm đồng*). Tuy nhiên, tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 100.000.000đ. Bị cáo thống nhất với yêu cầu bồi thường của bị hại. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 ghi nhận sự thỏa thuận này. Bị cáo đã bồi thường được số tiền 10.000.000đồng. Do đó, còn phải bồi thường tiếp cho Công ty số tiền 90.000.000đồng. Bị hại có quyền đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Sa Thầy để nhận số tiền 10.000.000 đồng nêu trên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sa Thầy theo biên lai thu tiền số AA/2010/0005199 ngày 26- 01- 2021.

- Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Thị Hoài T phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự trong vụ án hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Sa Thầy và Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục tiến hành tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Hoài T khai nhận: Bị cáo là nhân viên bán xăng, dầu cho cửa hàng xăng dầu số 1 của Công ty TNHH Song Song V. Theo hợp đồng lao động được ký kết giữa bị cáo với Công ty, nhiệm vụ của bị cáo là bán xăng, dầu, ga, nhớt tại cửa hàng; kiểm đếm, quản lý tiền bán hàng, ghi chép, theo dõi công nợ của khách hàng, quản lý sổ sách và có nghĩa vụ báo cáo kết quả số lượng xăng, dầu bán được trong ngày cho Công ty rồi nộp tiền về Công ty vào cuối ngày. Lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn của mình, bằng thủ đoạn là tự ý kê số tiền khách hàng nợ cao hơn số tiền thực tế khách nợ rồi báo về Công ty hoặc giữ lại tiền khách hàng đã trả nợ để sử dụng mục đích riêng mà không báo về Công ty. Trong năm 2019 bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi báo cáo sai sự thật về số tiền khách hàng còn nợ hoặc đã trả nhằm mục đích chiếm đoạt tiền với tổng số tiền từ việc bán xăng, dầu là 124.975.000 đồng

Riêng đối với tiền bán ga và nhớt, bị cáo T là người được giao quản lý, số hàng đã bán và tiền thu được sau khi bán không phải báo về Công ty hằng ngày mà

sau khoảng thời gian nhất định thì đại diện của Công ty đến thu tiền. Trong năm 2019, bị cáo đã nhiều lần bán ga, nhót thu được tổng số tiền 50.692.335 đồng bị cáo không nộp về Công ty mà đã chiếm đoạt để sử dụng cá nhân.

Như vậy, tổng cộng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của Công ty TNHH Song Song V là 175.667.335đ (*Một trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn ba trăm ba mươi lăm đồng*).

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “ *Tham ô tài sản*” quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự như Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX xét thấy:

Chỉ vì muốn có tiền chi tiêu sài cá nhân và gửi về cho con gái điều trị bệnh. Với nhiệm vụ, quyền hạn của mình bị cáo đã chiếm đoạt của Công ty Song Song Vy tổng số tiền 175.667.335đ. Hành vi bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đủ nhận thức về hành vi tham ô tài sản của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm khắc nhằm giáo dục bị cáo thành người có ích và răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng thấy rằng: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Hoài T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội, bị cáo đã tác động chồng là Nguyễn Ngọc V bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH Song Song V được số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2010/005199 ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. HĐXX xét thấy, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, sớm cải tạo thành người có ích.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của bị hại xác định số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt là 175.667.335đ (*Một trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn ba trăm ba mươi lăm đồng*). Tuy nhiên, vì điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn nên bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 100.000.000đ. Bị cáo thống nhất với yêu cầu bồi thường của bị hại. HĐXX xét thấy, sự thỏa thuận trên là tự nguyện nên ghi nhận sự thỏa thuận

này. Bị cáo đã bồi thường được số tiền 10.000.000đồng. Do đó, còn phải bồi thường tiếp cho Công ty số tiền 90.000.000đồng.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Huỳnh V Ph, Đặng Thị T, Trần V D, Lê V Q, Nguyễn Thị N, Trần Minh L, Bùi Thanh T, Bùi V H, Nguyễn Tấn Th, Cao Xuân T và Lê Thị D là khách hàng mua nợ, dầu của Công ty TNHH Song Song V. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử xác định trong năm 2019-2020 những người này đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty đầy đủ, đúng số tiền nợ. Quá trình điều tra những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như Công ty TNHH Song Song V không có ý kiến hay yêu cầu gì. Vì thế HĐXX không xem xét.

Đối với ông Nguyễn Ngọc V là chồng của bị cáo và con trai là Nguyễn Ngọc Tr là người phụ giúp bị cáo bán xăng, dầu tại cửa hàng, tuy nhiên việc ghi chép sổ sách, kiểm đếm tiền hàng và báo cáo về Công ty đều do bị cáo T thực hiện, ông V và anh Tr không biết việc bị cáo lập sổ sách báo cáo sai sự thật về số tiền khách hàng nợ cũng như đã trả để chiếm đoạt tiền của Công ty. Vì vậy, Cơ quan CSĐT không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Nguyễn Ngọc V và anh Nguyễn Ngọc Tr, HĐXX xét thấy có cơ sở.

Đối với số tiền 10.000.000đ anh Nguyễn Ngọc V đã khắc phục hậu quả thay cho bị cáo, tại phiên tòa anh V không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[5] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 (một) quyển vở tập học sinh KT (16x21)cm, bìa màu xanh. Một mặt bìa vở có dòng chữ ""HÀ NHÀ MÁY" màu xanh, viết trên giấy màu vàng dán lên bìa. Một mặt bìa vở có dòng chữ "Tùng Yên" màu xanh, viết trên bìa vở. Bên trong có 15 (mười lăm) tờ giấy đã được viết chữ.

- 01 (một) quyển vở tập học sinh KT (16x21)cm, bìa màu vàng. Một mặt bìa vở có dòng chữ "Số Đvị 732 C2" màu trắng, viết trên bìa vở. Bên trong có 10 (mười) tờ giấy đã được viết chữ.

- 01 (một) quyển vở tập học sinh KT (16x21)cm, bìa màu xanh. Một mặt bìa vở có dòng chữ "Tính" và chữ "Nụ" màu trắng, viết trên bìa ni lông. Bên trong bị mất một phần trang giấy vở, còn 05 (năm) tờ giấy đã được viết chữ.

- 01 (một) quyển sổ KT (23x17)cm, bìa màu xanh. Một mặt có in dòng chữ "Handbook" màu vàng. Bên trong có 290 (hai trăm chín mươi) tờ giấy đã được viết chữ.

- 01 (một) quyển sổ KT (23x16)cm, bìa màu đỏ. Một mặt có dòng chữ "Số Nợ" màu trắng. Một mặt có dòng chữ "Số Tồn từ 3/11/2019" màu trắng. Bên trong có 55 (năm mươi lăm) tờ giấy đã được viết chữ.

- 01 (một) quyển sổ KT (23x17)cm, bìa màu đỏ. Một mặt có dòng chữ "Số Chốt hàng Ngày" màu trắng. Một mặt có dòng chữ "Số Nhận Xăng + Dầu từ Ngày 3/11/2019" màu trắng. Bên trong có 80 (tám mươi) tờ giấy đã được viết chữ.

- 01 (một) quyển sổ KT (23x17)cm, bìa màu hồng – trắng. Một mặt có dòng chữ "Số Nợ Tâm" màu trắng. Bên trong có 56 (năm mươi sáu) tờ giấy đã được viết chữ.

- 01 (một) đôi giấy vở học sinh, có 02 (hai) mặt giấy có chữ viết. Mặt đầu tiên, dòng đầu tiên có chữ "Ngày 31/1/2020, dòng cuối cùng có dòng chữ "207.000.000 Tổng nợ". Mặt sau có chữ viết, chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Hoài T.

- 01 (một) Biên bản kiểm kê hàng nhớt, gas lập ngày 31/01/2020, viết trên khổ giấy A4.

Các sổ sách bị tạm giữ ngoài việc liên quan đến vụ án còn liên quan đến việc mua bán khác của công ty. Những tài liệu liên quan đến vụ án được công ty sao y có xác nhận của công ty cũng như bị cáo và đã được kiểm chứng nên để không ảnh hưởng đến việc kinh doanh của công ty. Cơ quan CSĐT - Công an huyện Sa Thầy trả lại cho Công ty Song Song Vy, HĐXX xét thấy có cơ sở, đúng quy định.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hoài T phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự trong vụ án hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Hoài T phạm tội "*Tham ô tài sản*".

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hoài T 06 (*Sáu*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 23 -12-2020).

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hoài T phải bồi thường cho Công ty TNHH Song Song V số tiền là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), được trừ vào số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) mà bị cáo đã nộp khắc phục một phần hậu quả tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sa Thầy theo biên lai thu tiền số AA/2010/0005199 ngày 26- 01- 2021. Bị hại có quyền đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Sa Thầy để nhận số tiền 10.000.000 đồng nêu trên. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*).

Căn cứ Điều 357 Bộ Luật dân sự 2015: Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp và kể từ ngày người được thi hành án gửi đơn yêu cầu thi hành án. Nếu người phải thi hành án không chịu bồi thường số tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả được thực hiện theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Luật này.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (Ban Hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội);

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hoài T phải nộp là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

4. Về kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/3/2021), bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với phần bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án đối với phần bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND h. Sa Thầy;
- CQCSĐT Công an h. Sa Thầy;
- NH tạm giữ Công an h. Sa Thầy;
- CC THADS h. Sa Thầy;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Ry Thị Mỹ Hoàng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

